



Pháp luật đại cương - pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương (Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)



Scan to open on Studocu

Bài 1: Một số vấn đề cơ bản của nhà nước

1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng của NN

• Nguồn gốc

- Một số học thuyết phi mácxít về nguồn gốc nhà nước

- Thuyết thần quyền (thời kì cổ, trung đại) :
 - Nhà nước do thượng đế sáng tạo ra để bảo vệ trật tự chung.
 - Nhà nước tồn tại trong mọi xã hội.
 - Quyền lực nhà nước là vĩnh cửu.
 - Nguồn gốc nhà nước được lí giải không mang tính khoa học.
- Thuyết gia trưởng (thời kì cổ, trung đại) : Aristone
 - Nhà nước là kết quả quá trình phát triển của gia đình, là hình thức tổ chức tự nhiên của cuộc sống con người.
 - Xã hội cần có con người quản lí là nhà nước cũng giống như gia đình cần có người đứng đầu của gia đình.
 - Chỉ là tổng hợp quan sát trực quan và không giải thích được cội nguồn hình thành nhà nước.
- Thuyết tâm lý:
 - Nhà nước xuất hiện do nhu cầu về tâm lí của con người nguyên thủy luôn muốn phụ thuộc vào các thủ lĩnh, giáo sĩ,... để dẫn dắt, tạo động lực cố gắng
- Thuyết bạo lực :
 - Nhà nước xuất hiện trực tiếp từ sự sử dụng bạo lực của thị tộc này với thị tộc khác mà kết quả là thị tộc chiến thắng nghĩ ra nhà nước để nô dịch kẻ thất bại
 - Thiếu tính khoa học, duy tâm, không giải thích được nguồn gốc nhà nước, chưa làm rõ bản chất nhà nước
- Thuyết khế ước xã hội (thế kỉ 16,17,18) : Jean Jacques Rousseau, John Locke
 - Nhà nước là sản phẩm của một khế ước (hợp đồng) giữa những con người sống trong trạng thái tự nhiên không có Nhà nước .
 - Nhà nước phản ánh lợi ích của các thành viên trong xã hội và mỗi thành viên đều có quyền yêu cầu nhà nước phục vụ và bảo vệ lợi ích của họ. Nếu nhà nước làm không tốt => vi phạm khế ước => người dân có quyền thay thế Nhà Nước cũ bằng Nhà Nước mới.
 - Lí giải nguồn gốc nhà nước trên cơ sở duy tâm

- Theo học thuyết Mác – Lênin

- + Nhà nước xuất hiện một cách khách quan, nhưng không phải là hiện tượng xã hội vĩnh cửu và bất biến. Nhà nước luôn vận động, phát triển và tiêu vong khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại và phát triển của chúng không còn nữa.
- + Nhà nước chỉ xuất hiện khi xã hội loài người đã phát triển đến một giai đoạn nhất định. Nhà nước xuất hiện trực tiếp từ sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy. Nhà nước chỉ xuất hiện ở nơi nào và thời gian nào khi đã xuất hiện sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng.

❖ Chế độ cộng sản nguyên thủy và tổ chức thị tộc – bộ lạc có ba đặc điểm:

- + Lực lượng sx thấp kém
- + Con người bắt lực trước thú dữ và thiên nhiên, phải sống co cụm dựa vào nhau
- + Sản phẩm làm ra chỉ đủ tiêu dùng, không có sản phẩm dư thừa

❖ 3 lần phân công lao động xã hội

- + Lần 1: Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt [mầm mống của chế độ tư hữu; chủ nô >< nô lệ (ít)]
- + Lần 2: Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp [tư hữu hoàn toàn; chủ nô >< nô lệ (chủ yếu)]
- + Lần 3: Thương nghiệp ra đời [giàu >< nghèo; chủ nô >< nô lệ (gay gắt)]
- Nhu cầu: Nhà nước ra đời

❖ Sự xuất hiện của Nhà nước

Tư hữu→Phân hóa giai cấp→Mâu thuẫn giai cấp→Đấu tranh giai cấp→Nhà nước

❖ Các hình thức ra đời NN điển hình

- + Nhà nước Aten: thuần túy nhất, cổ điển nhất
- + Nhà nước Rôma: là kết quả của giới bình dân chống lại giới quý tộc
- + Nhà nước Giecmannh: là kết quả của các cuộc chiến tranh chinh phục

• Bản chất của nhà nước

❖ Tính giai cấp

- Tính giai cấp là sự tác động mang tính chất quyết định của yếu tố giai cấp đến nhà nước quyết định những xu hướng phát triển và đặc điểm cơ bản của nhà nước

- Biểu hiện: thông qua việc thực hiện các chức năng của NN nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ mà NN đặt ra và qua các hình thức thực hiện quyền lực kinh tế, chính trị, tư tưởng của NN
- Nhà nước có tính giai cấp vì: giai cấp là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự hình thành nhà nước và nhà nước cũng là công cụ quan trọng để trấn áp giai cấp.

❖ **Tính xã hội**

- Khái niệm: là sự tác động của những yếu tố xã hội bên trong quyết định những đặc điểm và xu hướng phát triển cơ bản của nhà nước.
- Biểu hiện: Thông qua việc thực hiện chức năng của nhà nước nhằm đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ của nhà nước.
- Nhà nước có tính xã hội bởi: nhà nước ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý của xã hội và nhà nước cũng chính là một trong những công cụ quan trọng nhất để quản lý xã hội.

• **Đặc trưng NN**

- Thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt
- Có chủ quyền quốc gia
- Quy định và thu các loại thuế bằng hình thức bắt buộc
- Ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật
- Phân chia và quản lý dân cư theo các đơn vị hành chính, lãnh thổ

2. **Chức năng nhà nước**

- KN: Nhà nước là một tổ chức đặc biệt trong xã hội loài người, mang quyền lực chính trị, thiết lập bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và quản lý nhằm duy trì trật tự xã hội, đồng thời bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị.
- Chức năng NN: là những phương hướng, phương diện, mặt hoạt động chủ yếu của Nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trước Nhà nước (Chức năng đối nội + đối ngoại)

3. **Các kiểu và hình thức NN**

• **Kiểu NN**

- Kiểu Nhà nước là tổng thể những đặc điểm cơ bản của Nhà nước thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội, những điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của Nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định
- Gồm các kiểu NN: CSNT – CHNL – PK – CNTB – CNXH – CNCS
- Các kiểu NN theo hình thái KT-XH: NN chủ nô – NN PK – NN tư sản – NN cộng sản chủ nghĩa

• **Hình thức NN**

- Là cách thức tổ chức quyền lực NN và phương pháp thực hiện quyền lực NN.
- Bao gồm: Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị.

❖ **Hình thức chính thể**

- Là cách thức tổ chức và trình tự thiết lập các cơ quan tối cao của Nhà nước và xác lập mối quan hệ của các cơ quan đó.
- Hình thức chính thể có 2 dạng cơ bản: chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa.
- + Chính thể quân chủ : Là hình thức trong đó quyền lực tối cao của Nhà nước tập trung trong tay người đứng đầu Nhà nước theo thể tập (cha truyền con nối) hoặc theo chỉ định
- Chính thể quân chủ có nhiều hình thức biến dạng theo sự phát triển xã hội là chính thể quân chủ tuyệt đối (chuyên chế) và chính thể quân chủ tương đối (lập hiến).
- + Chính thể cộng hòa : Là hình thức trong đó quyền lực tối cao của Nhà nước được giao cho một cơ quan đại diện theo thể thức bầu cử trong thời hạn nhất định (nhiệm kỳ). Chính thể cộng hòa có 2 dạng: cộng hòa quý tộc và cộng hòa dân chủ

❖ **Hình thức cấu trúc**

- Là cách thức tổ chức các cơ quan Nhà nước theo các đơn vị hành chính lãnh thổ từ trung ương đến địa phương và xác lập mối quan hệ giữa các cơ quan này với nhau.
- Có 2 hình thức cấu trúc Nhà nước chủ yếu là hình thức cấu trúc Nhà nước đơn nhất và hình thức cấu trúc Nhà nước liên bang.

❖ **Chế độ chính trị**

- Là toàn bộ các phương pháp và cách thức mà cơ quan Nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực Nhà nước.
- Căn cứ vào phương pháp áp dụng có thể chia thành chế độ chính trị dân chủ và chế độ chính trị phi dân chủ

🚩 **Nhà nước chủ nô**

- Sự ra đời:
- + Phương đông: yếu tố tự nhiên, chống ngoại xâm và làm thủy lợi
- + Phương Tây: khi lực lượng sản xuất đã phát triển → sự xuất hiện chế độ sở hữu tư nhân → giai cấp → mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp.

- Bản chất:

+ Cơ sở kinh tế: quan hệ sản xuất chiếm hữu nô lệ

+ Tính giai cấp và tính xã hội, ở phương Tây tính giai cấp thể hiện sâu sắc và rõ nét hơn phương Đông

- Chức năng:

+ Đối nội: bảo vệ chế độ sở hữu - trấn áp sự phản kháng bằng quân sự - thống trị về tư tưởng - Chức năng kinh tế - xã hội

+ Đối ngoại: Tiến hành chiến tranh xâm lược - Phòng thủ đất nước

- Hình thức:

➤ Hình thức chính thể: quân chủ và cộng hòa

➤ Hình thức cấu trúc: hầu hết là cấu trúc đơn nhất

➤ Chế độ chính trị: phân dân chủ, tuy nhiên một số nhà nước có chính thể cộng hòa dân chủ, dân chủ được áp dụng tương đối rộng rãi.

🚩 Nhà nước phong kiến

- Sự ra đời:

+ Thay thế cho nhà nước chủ nô → mâu thuẫn quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất

+ Là nhà nước đầu tiên được xác lập khi vượt qua xã hội nguyên thủy

+ Ở phương đông: dựa vào sự kiện đánh dấu sự chuyển biến quan trọng của mỗi quốc gia

- Bản chất:

+ Cơ sở kinh tế: quan hệ sản xuất phong kiến, sở hữu của địa chủ, phong kiến về ruộng đất và sở hữu của nông dân phụ thuộc vào địa chủ.

+ Tính giai cấp và tính xã hội

- Chức năng:

+ Đối nội: Chức năng bảo vệ chế độ sở hữu - trấn áp sự phản kháng bằng quân sự - thống trị về tư tưởng - Chức năng kinh tế - xã hội

+ Đối ngoại: Tiến hành chiến tranh xâm lược - Phòng thủ đất nước

- Hình thức:

➤ Hình thức chính thể: quân chủ

➤ Hình thức cấu trúc: hầu hết là cấu trúc đơn nhất

➤ Chế độ chính trị: áp dụng các biện pháp bạo lực để tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

🚩 Nhà nước tư sản

- Sự ra đời:

+ Quan hệ sản xuất không còn phù hợp với phương thức sản xuất

+ Mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp

+ Cuộc đấu tranh giành độc lập ở những vùng đất thuộc địa

- Bản chất

+ Cơ sở kinh tế: phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

+ Là công cụ thiết lập và bảo vệ chế độ dân chủ tư sản, giai cấp tư sản có ưu thế về kinh tế nên có ưu thế trong việc thể hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình

- Chức năng

+ Đối nội: Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội - Tổ chức và quản lý kinh tế-Xã hội-Văn hóa-giáo dục -

Phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ - Bảo vệ môi trường - Bảo vệ quyền con người, quyền công dân

+ Đối ngoại: Phòng thủ đất nước - Hợp tác quốc tế - Tham gia vào các hoạt động quốc tế - Xây dựng và phát triển liên minh chính trị, quân sự, kinh tế - Viện trợ nhân đạo

- Hình thức

➤ Hình thức chính thể: quân chủ lập hiến, cộng hòa nghị viện, cộng hòa tổng thống, cộng hòa lưỡng tính

➤ Hình thức cấu trúc: đơn nhất, liên bang

➤ Chế độ chính trị: dân chủ tư sản

🚩 Nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Sự ra đời

+ Tiền đề về kinh tế: Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không còn phù hợp;

+ Tiền đề chính trị - xã hội: mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, giai cấp vô sản ngày càng lớn mạnh.

+ Yếu tố dân tộc và thời đại

- Bản chất

- + Cơ sở kinh tế: chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa
- + Nhà nước là bộ máy thực hiện quyền làm chủ nhân dân lao động
- + Mang bản chất dân chủ thực sự
- + Mang bản chất nhân văn và nhân đạo sâu sắc
- + Có bản chất chính trị sâu sắc, do ĐCS lãnh đạo.
- Chức năng
- + Đối nội: Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội - Tổ chức và quản lý kinh tế - Xã hội - Bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích cơ bản của công dân
- + Đối ngoại: Bảo vệ Tổ quốc, chống xâm lược - Hợp tác quốc tế - Tham gia vào các hoạt động quốc tế

- Hình thức

- Hình thức chính thể: cộng hòa dân chủ
- Hình thức cấu trúc: đơn nhất, liên bang
- Chế độ chính trị: dân chủ thực sự, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động

4. Sự ra đời của nhà nước XHCN Việt Nam

a. Sự ra đời

- Hình thành trên 3 tiền đề:
 - + Kinh tế: lực lượng sản xuất >< quan hệ sản xuất ?
 - + Xã hội: Dân tộc VN >< thực dân pháp, tay sai
 - Địa chủ phong kiến >< giai cấp nông dân, công nhân
 - + Chính trị – Tư tưởng: chủ nghĩa Mác, tư tưởng HCM -> Cách mạng Xã hội
- Cách mạng xã hội ở Việt Nam:
 - + 8/1945: CMT8 năm 1945
 - + 2/9/1945: Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa
 - + 7/1976: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b. Bản chất

- Yếu tố quy định
 - Cơ sở KT: Chế độ công hữu về các TLSX chủ yếu
 - Cơ sở XH: Quảng đại quần chúng ND lao động; Nền tảng: liên minh Công + Nông + Trí thức

Kiểu NN	Chủ nô	PK	Tư sản	XHCN
CSKT	Chế độ chiếm hữu tư nhân			Chế độ công hữu
CSXH	Giai cấp chủ nô	Giai cấp địa chủ	Giai cấp tư sản	Liên minh công – nông – trí thức
Mục đích	Bảo vệ lợi ích thiểu số giai cấp thống trị			Bảo vệ toàn thể NDLD

- Bản chất
 - Tính giai cấp (giai cấp công nhân):
 - + Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng HCM và đường lối, chính sách của ĐCSVN làm nền tảng tư tưởng
 - + Lực lượng nòng cốt trong liên minh công-nông- đội ngũ trí thức
 - + Lực lượng xã hội to lớn - phương thức sản xuất tiên tiến
 - + Thiết lập, lãnh đạo cách mạng Việt Nam
 - Tính xã hội:
 - + Nhà nước bảo vệ cho lợi ích của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội
 - + Nhà nước giải quyết các vấn đề nảy sinh từ đời sống xã hội bảo đảm trật tự chung
 - Tính dân chủ:
 - + Là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.
 - Dân chủ gắn với kỉ luật, kỉ cương, được đảm bảo bằng pháp luật
 - + Dân chủ trực tiếp. Dân chủ đại diện
 - Tính dân tộc
 - Tính thời đại
- Nguyên tắc

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng
- + Đảng vạch ra cương lĩnh, đường lối, chiến lược và những chủ trương lớn làm cơ sở cho NN hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chính sách, pháp luật và quyết định quản lý
- + Đảng vạch ra những chủ trương quan trọng về tổ chức bộ máy và chính sách cán bộ
- + Đảng lãnh đạo NN bằng phương pháp dân chủ, thuyết phục, bằng công tác tư tưởng và tổ chức, bằng vai trò gương mẫu của đảng viên và tổ chức Đảng
- + Đảng giới thiệu những cán bộ có phẩm chất và năng lực vào cương vị lãnh đạo cao nhất của bộ máy NN
- Tất cả quyền lực Nhà Nước thuộc về nhân dân
- + Điều 2 Hiến pháp năm 2013
- + Nội dung: bảo đảm quyền lực của Nhân dân trong quản lý nhà nước và xã hội
- Pháp chế XHCN
- + sự hiện diện của hệ thống pháp luật
- + các chủ thể pháp luật đều phải tôn trọng, thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh, triệt để, thống nhất.
- Tập trung dân chủ
- + Bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của các cơ quan nhà nước
- + Bảo đảm quyền chủ động sáng tạo và khả năng độc lập nhất định trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các địa phương, cơ sở, của cán bộ, nhân viên trong bộ máy nhà nước.
- + Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân
- Ngoài ra, nguyên tắc công khai, minh bạch; đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc
- Quyền lực NN là thống nhất, phân công, phối hợp, kiểm soát

??? Trong quá trình xây dựng CNXH hiện thực, việc đảm bảo pháp chế cần phải thực hiện như thế nào

- (1) Bảo đảm sự thống nhất của pháp chế trên quy mô toàn quốc
- (2) Bảo đảm hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp
- (3) Thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật là nguyên tắc bắt buộc chung đối với mọi chủ thể
- (4) Mọi vi phạm pháp luật phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh không có ngoại lệ
- (5) Bảo đảm và bảo vệ quyền, tự do của con người và công dân theo quy định của pháp luật

??? Tăng cường tính công khai, minh bạch, lắng nghe ý kiến nhân dân cần thực hiện như thế nào?

- + Tiếp tục thực hiện cam kết chính trị về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình ở cả hệ thống chính trị.
- + Thực hiện nghiêm túc Quyền tiếp cận thông tin của người dân cũng như xây dựng nền tảng thông tin, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo Quyền tiếp cận thông tin.
- + Hoàn thiện hệ thống chính sách về Công khai, Minh bạch và Trách nhiệm giải trình phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước cũng như các quy định, tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.
- + Cần hoàn thiện bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, khoa học, hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chính Phủ điện tử; cơ chế một cửa, một đầu mối tại các cơ quan quản lý Nhà nước...
- + Tăng cường thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát và có các chế tài xử lý thích đáng với các vi phạm để đảm bảo tính răn đe của pháp luật.
- + Cần tạo hành lang pháp lý cho sự tham gia của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng xã hội, báo chí vào giám sát, thúc đẩy Công khai, Minh bạch và Trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước.
- + Nâng cao nhận thức của toàn bộ hệ thống chính trị, của cộng đồng xã hội về Công khai, Minh bạch và Trách nhiệm giải trình.

Bài 2: Những vấn đề cơ bản về Pháp luật

1. Nguồn gốc, bản chất, thuộc tính PL

This document is available on



- **Sự xuất hiện của NN**

Tư hữu → phân hóa giai cấp → mâu thuẫn giai cấp → đấu tranh giai cấp → nhà nước

- **Nguồn gốc**

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin: pháp luật là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển khi xã hội đạt đến một trình độ phát triển nhất định.

- Về phương diện khách quan: những nguyên nhân làm xuất hiện Nhà nước cũng chính là những nguyên nhân làm xuất hiện pháp luật.

- Về phương diện chủ quan: pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường Nhà nước theo 2 cách: do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận các quy phạm xã hội.

- **Bản chất**

- Tính giai cấp:

+ Tính giai cấp là sự tác động của yếu tố giai cấp đến pháp luật mà sự tác động này quyết định xu hướng phát triển, những đặc điểm cơ bản của pháp luật

+ Pháp luật có tính giai cấp bởi giai cấp là một trong những nguyên nhân ra đời của pháp luật và pháp luật là một trong những công cụ hữu hiệu nhất trong việc trấn áp đấu tranh giai cấp, bảo vệ lợi ích giai cấp

+ Tính giai cấp thể hiện chủ yếu trong nội dung và mục đích của sự điều chỉnh của pháp luật. Theo đó, pháp luật bảo vệ lợi ích trước hết của giai cấp thống trị

- Tính xã hội:

+ Tính xã hội là sự tác động của các yếu tố xã hội (được hiểu là sự đối lập với yếu tố giai cấp) đến xu hướng phát triển và những đặc điểm cơ bản của pháp luật

+ Pháp luật có tính xã hội bởi nhu cầu quản lý xã hội, trật tự chung của xã hội là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự ra đời của pháp luật. Pháp luật cũng là phương tiện mô hình hoá cách thức xử sự của các thành viên trong xã hội

+ Tính xã hội của pháp luật thể hiện trong mục đích của sự điều chỉnh của pháp luật. Pháp luật phản ánh ý chí chung, lợi ích chung của xã hội

• **Khái niệm** :Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.

- **Các thuộc tính PL**

- Tính quy phạm phổ biến

- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

- Được đảm bảo thực hiện bằng NN

2. **Vai trò, chức năng và các mối liên hệ của PL**

- **Vai trò**

- Pháp luật sẽ có sự tác động trở lại đối với kinh tế theo hai xu hướng: nếu phù hợp, pháp luật sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế; còn ngược lại, nếu không phù hợp, pháp luật sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế.

- Đối với nhà nước, pháp luật là công cụ quan trọng để nhà nước quản lý xã hội

- Đối với người dân, pháp luật ghi nhận các quyền công dân và bảo đảm cho các quyền và lợi ích đó được thực hiện

- Đối với các tổ chức xã hội, pháp luật là phương tiện để tạo ra khung pháp lý cần thiết, tạo ra cơ chế pháp lý cho các tổ chức này ra đời, tồn tại và phát triển

- Đối với đảng chính trị trong xã hội, pháp luật đóng vai trò công cụ để thể chế hóa chủ trương, đường lối của đảng cầm quyền.

- **Chức năng**

- Điều chỉnh các quan hệ XH: PL ghi nhận các qhệ chủ yếu trong XH + PL đảm bảo cho sự phát triển của các qhệ XH

- Giáo dục: Thể hiện pháp luật tác động vào ý thức và tâm lý của con người, từ đó con người lựa chọn cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật

- Bảo vệ: Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội và các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trước các vi phạm.

- **Các mối quan hệ của PL**

- Nhà nước

- Đạo đức

- Tư tưởng

- Kinh tế

3. **Các kiểu và hình thức PL**

- **Các kiểu PL**

- Kiểu pháp luật là tổng thể những dấu hiệu cơ bản đặc thù của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp, những điều kiện tồn tại và phát triển của pháp luật trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định
- Theo hình thái KT – XH: PL chủ nô – PL pk – PL tư sản – PL XHCN

- **PL chủ nô**

- Bản chất: Công nhận và khuyến khích tư hữu phát triển trong mối tương quan giai cấp
- + Tính giai cấp: Công khai ghi nhận tư hữu về nô lệ
- + Tính xã hội: Ghi nhận các quy tắc hoạt động chung trong xã hội
- Đặc điểm:
 - + Ghi nhận quyền tư hữu đối với tài sản và nô lệ
 - + Ghi nhận tình trạng bất bình đẳng trong xã hội; sự thống trị gia trưởng
 - + Hình phạt hà khắc, dã man
 - + Nhìn chung phạm vi điều chỉnh không rõ ràng, tuy nhiên có những đạo luật thành văn tiến bộ

- **PL phong kiến**

- Bản chất: Công nhận và khuyến khích tư hữu phát triển trong mối tương quan giai cấp.
- + Tính giai cấp: Công khai ghi nhận sự bóc lột đối với nông dân và người lao động khác.
- + Tính xã hội: Ghi nhận một số quyền của người nông dân; Tổ chức quản lý sản xuất nông nghiệp.
- Đặc điểm:
 - + Ghi nhận đặc quyền giai cấp;
 - + Cho phép sử dụng bạo lực đối với nông dân;
 - + Hình phạt hà khắc, dã man;
 - + Pháp luật thiếu tính hệ thống, thiếu đồng bộ, trộn lẫn với tập quán.

- **PL tư sản**

- Bản chất: Công nhận và khuyến khích tư hữu phát triển trong mối tương quan giai cấp.
- + Tính giai cấp: Bảo vệ nghiêm ngặt quyền sở hữu; Bảo vệ ý thức hệ tư sản.
- + Tính xã hội: Xây dựng nền dân chủ tư sản; Xây dựng các chế định về “quyền con người”, địa vị pháp lý của công nhân.
- Đặc điểm:
 - + Hoàn chỉnh chế định quyền sở hữu dựa trên nền tảng là tư hữu;
 - + Xây dựng và bảo vệ nền dân chủ tư sản với phương châm “tự do, bình đẳng, bác ái”.
 - + Xây dựng các chế định về quyền con người;
 - + Pháp luật có tính hệ thống cao, phạm vi điều chỉnh rõ, có kỹ thuật lập pháp và xây dựng nhiều chế định tiến bộ.
 - + Chọn ngành luật tư làm nền tảng xây dựng HTPL

- **PL XHCN**

- Bản chất: công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần nhưng kinh tế Nhà nước được xác định giữ vai trò chủ đạo.
- + Tính giai cấp: Ghi nhận và bảo vệ nhiều hình thức sở hữu, trong đó nền tảng là hình thức sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.
- + Tính xã hội: Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc là “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”.
- Kế thừa các chế định quyền con người, địa vị pháp lý của công nhân
- Đặc điểm:
 - + Dựa trên nền kinh tế nhiều thành phần, nhưng kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo;
 - + Thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động; thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản, có nền tảng là học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin;
 - + Kế thừa các chế định về QCN, có gắn kết các QPXH khác;
 - + Có hệ thống VBQPPL là hình thức cơ bản nhất, xây dựng và hoàn thiện kỹ thuật lập pháp;
 - + Không phân biệt ngành luật “công” hay “tư” trong xây dựng hệ thống pháp luật.

- **Hình thức PL**

- KN: Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của mình lên thành luật
- Các dạng hình thức PL:
- Bên trong:
 - Quy phạm PL – Chế định PL – Ngành luật – Hệ thống PL
- Bên ngoài (nguồn của PL):
 - Văn bản quy phạm PL – Tập quán pháp – Tiền lệ pháp – Lễ công bằng

Bài 3: Hệ thống PL

1. Hệ thống PL

• Khái niệm

- Nghĩa rộng: Tổng thể nền pháp luật của nhiều nhà nước có những điểm tương đồng (HTPL Châu Âu lục địa + Anh – Mỹ + XHCN + Hồi giáo + hỗn hợp)
- Nghĩa hẹp: tổng thể QPPL
- + Phân định thành các bộ phận cấu thành (chế định PL + ngành luật)
- + Thể hiện trong những hình thức nguồn PL nhất định (VB QPPL + Tiền lệ pháp + Tập quán pháp)
- *** Chế định PL: tập hợp 1 / 1 nhóm quy phạm PL có đặc điểm giống nhau nhằm điều chỉnh về nhóm hành vi tương ứng trong phạm vi 1 ngành luật or nhiều ngành luật
- *** Ngành luật: là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.
- **KN:** Hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các bộ phận cấu thành (chế định pháp luật, ngành luật) và được thể hiện trong những hình thức pháp luật nhất định.

• Bên trong: Quy phạm PL – Chế định PL – Ngành luật – Hệ thống PL

- QPPL: quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung
 - Do nhà nước ban hành, đảm bảo và thực hiện
 - Được biểu thị bằng những hình thức nhất định
 - Điều chỉnh các quan hệ xh
- Cơ cấu của QPPL
 - Giả định: là phần xđ chủ thể tham gia quan hệ PL và những hoàn cảnh điều kiện mà chủ thể gặp phải trong khi thực hiện
 - Quy định: là xđ chủ thể phải làm gì trong điều kiện hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định
 - Chế tài: là phần nêu rõ biện pháp, hình thức, xử lí của nhà nước đối với người đã xử sự không đúng với quy định
- Chế định PL gồm: 1 số quy phạm + có những đặc điểm chung giống nhau + nhằm điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội tương ứng
- Ngành luật: là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội
 - Căn cứ để phân định ngành luật:
 - + Đối tượng điều chỉnh: Là những quan hệ xã hội cùng loại, thuộc một lĩnh vực của đời sống xã hội cần có sự điều chỉnh bằng pháp luật
 - + Phương pháp điều chỉnh:
 - *Phương pháp bình đẳng thỏa thuận: nhà nước không can thiệp trực tiếp, chỉ định ra khuôn khổ, các bên tham gia thể thỏa thuận với nhau trong khuôn khổ, các bên tham gia bình đẳng về quyền và nghĩa vụ pháp lý.
 - *Phương pháp quyền uy phục tùng: là cách thức tác động mà ở đó một bên trong quan hệ pháp luật có quyền ra mệnh lệnh, còn bên kia phải phục tùng.
- Bên ngoài:
 - VB QPPL
 - Tập quán pháp: những tập quán tập tục trong đời sống xã hội trở thành những quy tắc xử sự chung được nhà nước đảm bảo thực hiện

- Tiền lệ pháp: án lệ là những lập luận phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực của tòa án
- Lễ công bằng: lễ phải trong cuộc sống được mọi người thừa nhận, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, không thiên vị và bình đẳng

2. Hệ thống các văn bản QPPL

• Khái niệm, đặc điểm, phân loại

- Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này.
- Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

- *Đặc điểm:*

- + Cơ quan NN có thẩm quyền ban hành theo hình thức nhất định do luật định
- + Trình tự, thủ tục được quy định chặt chẽ trong Luật BHVBQPPL
- + Nội dung chứa đựng quy tắc xử sự chung, được áp dụng với mọi đối tượng hoặc một nhóm đối tượng, hiệu lực trên phạm vi toàn quốc hoặc từng địa phương
- + Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các bp: tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục; biện pháp hành chính, kinh tế, hoặc biện pháp cưỡng chế bắt buộc thi hành

• Hiệu lực

- Hiệu lực về thời gian
- Hiệu lực về không gian: Là giá trị thi hành của văn bản quy phạm pháp luật trong một phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc một vùng, một địa phương nhất định.
- Hiệu lực về đối tượng tác động: Đối tượng tác động của văn bản quy phạm pháp luật bao gồm hành vi của cá nhân, tổ chức do văn bản đó điều chỉnh. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật theo đối tượng tác động phụ thuộc vào thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản.

• Nguyên tắc xây dựng PL

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật
- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật
- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính
- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

• Nguyên tắc áp dụng QPPL

- Thứ nhất, VBQPPL được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực
- Thứ hai, trong trường hợp các VBQPPL có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng VBQPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn
- Thứ ba, trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau
- Thứ tư, trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới

3. Hệ thống hóa PL

- Thứ nhất, tạo ra một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cân đối, hoàn chỉnh, thống nhất, trong đó vai trò của các đạo luật ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự điều chỉnh các quan hệ xã hội
- Thứ hai, khắc phục tình trạng lộn xộn, mâu thuẫn và những lỗ hổng của hệ thống pháp luật
- Thứ ba, làm cho nội dung pháp luật phù hợp với những yêu cầu của đời sống, có hình thức rõ ràng, dễ hiểu, tiện lợi cho việc sử dụng

• Hệ thống PL gồm:

- Tập hợp hóa: Là sắp xếp các VBQPPL, các QPPL riêng biệt theo một trình tự nhất định
- Pháp điển hóa:
- + Là hoạt động của CQNN

- + Tập hợp các VB đã có theo một trình tự nhất định,
- + Loại bỏ những QP lỗi thời, mâu thuẫn
- + Chế định thêm những QP mới
- + Khắc phục những chỗ trống được phát hiện...

??? So sánh tập hợp hoá và pháp điển hoá

Tiêu chí	Tập hợp hóa	Pháp điển hóa
Chủ thể	Mọi chủ thể	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Hình thức thực hiện	Sắp xếp các VBQPPL, các QPPL theo một trình tự nhất định	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp các VB theo một trình tự nhất định, loại bỏ những quy phạm lỗi thời, mâu thuẫn - Chế định thêm những quy phạm mới thay thế; - Khắc phục những chỗ trống pháp luật.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Không làm thay đổi nội dung, phạm vi hiệu lực VB; - Không làm xuất hiện VB mới; - Kiến nghị khi thấy bất hợp lý. 	Một văn bản quy phạm pháp luật mới ra đời.

Bài 4: Quan hệ PL

1. Khái niệm

- Quan hệ xã hội gồm: quan hệ pháp luật (quyền và nghĩa vụ pháp lý) & quy phạm pháp luật
- KN: Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được hình thành giữa các chủ thể pháp luật, chịu sự tác động của các quy phạm pháp luật, theo đó các bên tham gia quan hệ có quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý được pháp luật ghi nhận và nhà nước bảo đảm thực hiện.

2. Đặc điểm

- Chủ thể là tổ chức, cá nhân có năng lực chủ thể
- Là quan hệ xã hội mang tính giai cấp
- ND của QHPL gồm quyền và nghĩa vụ PL

- Chỉ phát sinh, thay đổi, chấm dứt trên cơ sở các sự kiện pháp lý nhất định
- Được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước

3. Phân loại

- Căn cứ vào tính chất của quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật điều chỉnh, quan hệ pháp luật được phân loại thành các nhóm lớn tương ứng với các ngành luật như: quan hệ pháp luật hành chính, QHPL dân sự, QHPL hình sự,...
- Căn cứ vào tính xác định của các bên tham gia QHPL, QHPL được chia thành QHPL tuyệt đối và QHPL tương đối.
- Căn cứ vào cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể, QHPL được chia thành QHPL điều chỉnh và QHPL bảo vệ.
- Căn cứ vào trật tự hình thành QHPL, QHPL được chia thành QHPL đơn giản và QHPL phức tạp.

4. Thành phần : gồm chủ thể, nội dung, khách thể

• Chủ thể

- Chủ thể của QHPL là cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện và tham gia QHPL, xác định quyền và nghĩa vụ trong các mối QHPL đó
- Gồm chủ thể cá nhân & tổ chức: có năng lực chủ thể + tham gia QHPL
- Năng lực chủ thể:
 - + Năng lực PL: khả năng của chủ thể có được các quyền và nghĩa vụ pháp lý theo qui định PL
 - + Năng lực hành vi: khả năng của chủ thể thông qua hành vi của mình để xác lập quyền và nghĩa vụ pháp lý một cách độc lập

➤ Chủ thể là cá nhân

- Năng lực pháp luật:
 - + Thứ nhất, NLPL có thể phát sinh trước khi cá nhân đó sinh ra trong một số trường hợp đặc biệt
 - + Thứ hai, trong một số lĩnh vực, NLPL có thể được qui định căn cứ vào sự phát triển về thể lực và trí lực của cá nhân
 - + Thứ ba, NLPL có thể bị hạn chế do sự tước đi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
 - + Thứ tư, NLPL có thể chấm dứt bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặc dù cá nhân đó trên thực tế có chết hay chưa
- Loại chủ thể là cá nhân: bao gồm công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch
- + Công dân:
 - *Năng lực PL: có từ khi sinh ra và chấm dứt khi chết
 - *Năng lực hành vi: xuất hiện muộn hơn và phát triển theo quá trình phát triển tự nhiên của con người
 - *Xác định năng lực hành vi: thường dựa theo độ tuổi, sức khỏe, khả năng nhận thức
- + Người nước ngoài và người không quốc tịch: NLPL bị hạn chế hơn so với công dân

➤ Chủ thể là tổ chức

- Pháp nhân là một khái niệm phản ánh địa vị pháp lý của tổ chức
- Điều kiện để trở thành một pháp nhân:
 - + Được thành lập hợp pháp
 - + Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
 - + Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình
 - + Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập
- Pháp nhân
 - + Năng lực PL: mang tính chuyên biệt, phát sinh từ thời điểm được thành lập hoặc cho phép hoạt động và chấm dứt khi pháp nhân không còn tồn tại
 - + Năng lực hành vi: phát sinh và chấm dứt cùng thời điểm với năng lực pháp luật của pháp nhân
- Nhà nước là chủ thể đặc biệt của QHPL bởi NN là nguồn lực to lớn trong XH và có thể áp đặt ý chí trong QHPL.
- Các thực thể nhân tạo khác có thể trở thành chủ thể của QHPL khi có năng lực chủ thể như: Công ty hợp danh, tổ hợp tác, xí nghiệp thành viên của công ty...

• Nội dung

- Cách xử sự mà pháp luật cho phép chủ thể được tiến hành. Nói cách khác, quyền chủ thể là khả năng của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định được pháp luật cho phép.
- Cách xử sự mà nhà nước bắt buộc chủ thể phải tiến hành nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác.

• Khách thể

- Khách thể quan hệ pháp luật là lợi ích vật chất, tinh thần và những lợi ích xã hội khác có thể thoả mãn những nhu cầu, đòi hỏi của các tổ chức hoặc cá nhân mà vì chúng các chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật, nghĩa là, vì chúng mà họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ chủ thể của mình

5. Sự kiện pháp lý

- Sự kiện pháp lý là những sự kiện xảy ra trong thực tế đời sống mà sự xuất hiện hay mất đi của chúng gắn liền với việc phát sinh, thay đổi, chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể.

- Phân loại

+ Là những sự kiện phát sinh ngoài ý thức và khả năng kiểm soát của con người

+ Là những sự kiện phát sinh từ kết quả nhận thức và mong muốn của con người. Hành vi được chia thành hành động hoặc không hành động, hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp

- Các yếu tố làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt QHPL

Có quy phạm pháp luật điều chỉnh	Thành văn
	Không thành văn
Năng lực chủ thể	Năng lực pháp luật
	Năng lực hành vi
Sự kiện pháp lý	Có ý chí
	Phi ý chí

****Quyền:** + Lựa chọn có hoặc không tham gia quan hệ PL. Nếu có, xử sự theo quy định PL

+ Yêu cầu chủ thể khác tôn trọng quyền và nghĩa vụ

+ Yêu cầu nhà nước bảo vệ

****Nghĩa vụ pháp lý:** + Thực hiện một số hoạt động nhất định

+ Không thực hiện một số hành động nhất định

+ Trách nhiệm pháp lý

Bài 5: Thực hiện pháp luật – Ý thức pháp luật – Pháp chế XHCN

1. Thực hiện pháp luật

- KN: là quá trình hoạt động có mục đích, bằng hành vi chủ thể pháp luật, thực hiện các quy định pháp luật

- Các hình thức thực hiện:

+ Tuân thủ PL: chủ thể PL kiềm chế không thực hiện những hành vi mà PL cấm

+ Thi hành PL: chủ thể PL thực hiện nghĩa vụ bằng những hành động tích cực

+ Sử dụng PL: chủ thể PL chủ động tự quyết định có thực hiện or không thực hiện các quyền PL quy định

+ Áp dụng PL: hoạt động mang tính tổ chức – quyền lực nhà nước; Chủ thể: cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cá nhân, tổ chức được nhà nước trao quyền; Áp dụng các quy phạm PL vào các trường hợp cụ thể

???Áp dụng pháp luật – hình thức thực hiện PL đặc biệt? Vì sao?

- Đặc điểm áp dụng PL:

- + Hoạt động mang tính tổ chức – quyền lực nhà nước
- + Hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã
- + Tuân theo hình thức, thủ tục chặt chẽ do nhà nước quy định
- + Hoạt động mang tính sáng tạo
- Các trường hợp cần áp dụng PL:
- + Truy cứu trách nhiệm pháp lý → chủ thể vi phạm PL; áp dụng cưỡng chế nhà nước
- + Giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý
- + Đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể PL
- + Nhà nước tham gia quan hệ PL để kiểm tra, giám sát hoạt động các chủ thể PL
- Các giai đoạn áp dụng PL:
- + Phân tích tình tiết của vụ việc + phân tích các đặc trưng pháp lý
- + Lựa chọn QPPL phù hợp + làm rõ nội dung, ý nghĩa của QPPL
- + Ban hành văn bản áp dụng PL
- + Tổ chức thực hiện văn bản áp dụng PL

2. Ý thức pháp luật XHCN

- KN:
 - Là tổng thể các học thuyết, tư tưởng, quan điểm, quan niệm thịnh hành trong xã hội XHCN
 - Thể hiện mối quan hệ của con người đối với PL hiện hành, PL đã qua và PL cần phải có
 - Thể hiện sự đánh giá của con người về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người cũng như trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và mọi công dân
- Đặc điểm:
 - Ý thức PL có mối quan hệ biện chứng với tồn tại xã hội: ý thức PL vừa phụ thuộc vào tồn tại xã (do tồn tại xã quyết định) vừa có tính độc lập tương đối (bảo thủ, kế thừa, lạc hậu, vượt trước so với tồn tại xã)
 - Ý thức PL là hiện tượng có tính giai cấp: hiểu biết thái độ của các giai cấp đối với PL là khác nhau, chỉ có ý thức PL của giai cấp cầm quyền mới được phản ánh trong PL
- Thành phần:
 - Căn cứ vào nội dung, tính chất của các bộ phận hợp thành
 - + Hệ tư tưởng pháp luật: là tổng hợp các tư tưởng, quan điểm, lý thuyết về pháp luật.
 - + Tâm lý pháp luật: là tình cảm, thái độ, tâm trạng, cảm xúc của con người đối với pháp luật.
- Sự khác nhau và mối quan hệ ý thức PL và PL XHCN
 - Sự khác nhau:
 - + Về chức năng: PL dùng để điều chỉnh, Ý thức dùng để nhận thức.
 - + Là những hiện tượng có đời sống riêng và được nghiên cứu trong mối quan hệ khác nhau.
 - Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật XHCN
 - + Sự tác động của ý thức pháp luật đối với pháp luật XHCN:
 - *Ý thức pháp luật là tiền đề tư tưởng trực tiếp để xây dựng và hoàn thiện pháp luật.
 - *Ý thức pháp luật góp phần nâng cao việc thực hiện pháp luật.
 - *Ý thức pháp luật là đảm bảo cho hoạt động áp dụng pháp luật đúng đắn, khách quan.
 - + Ngược lại, pháp luật là cơ sở để hình thành, củng cố và nâng cao ý thức pháp luật
- Các biện pháp giáo dục, nâng cao ý thức PL
 - Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích pháp luật.
 - Đưa việc giảng dạy pháp luật vào hệ thống các trường học.
 - Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thực hiện pháp luật.
 - Mở rộng dân chủ, công khai tạo điều kiện cho nhân dân tham gia một cách đồng đẳng vào hoạt động xây dựng pháp luật.
 - Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật.
 - Kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức, văn hoá, nâng cao trình độ chung của nhân dân.
 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

3. Pháp chế XHCN

- KN: Pháp chế là một chế độ đặc biệt của đời sống chính trị - xã hội, trong đó tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, nhân viên nhà nước, nhân viên các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh, triệt để và chính xác
- Các yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN
 - + Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và Luật.
 - + Đảm bảo tính thống nhất của pháp chế trên quy mô toàn quốc.
 - + Pháp chế phải công bằng, hợp lý.
 - + Bảo đảm các quyền tự do của công dân
 - + Mọi vi phạm pháp luật phải được ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời.
 - + Các cơ quan xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật phải hoạt động một cách tích cực, chủ động và có hiệu quả.
 - + Không tách rời pháp chế với văn hóa và văn hóa pháp lý.
- Tăng cường pháp chế XHCN
 - Đẩy mạnh công tác XDPL;
 - Tăng cường công tác tổ chức THPL;
 - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc THPL;
 - Xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi VPPL;
 - Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác pháp chế